

THE PERCEPTION OF WOMEN AS FEMALE SAINTS IN BUI GIANG'S POETRY AND ANDRE GIDE'S NOVELS

Tran Thi Hoa Le^{1*} and Nguyen Thi Que Anh²

¹*Faculty of Philology, Hanoi National University of Education, Hanoi city, Vietnam*

²*Cultural and Development Faculty, Academy of Politics Region I, Hanoi city, Vietnam*

*Corresponding author Tran Thi Hoa Le,
e-mail: leth@hnue.edu.vn

Received March 14, 2024.

Revised April 18, 2024.

Accepted May 12, 2024.

CẢM THỨC THÁNH NỮ TRONG THƠ BÙI GIÁNG VÀ TRUYỆN ANDRE GIDE

Trần Thị Hoa Lê^{1*} và Nguyễn Thị Quế Anh²

¹*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*Khoa Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Khu vực I, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Hoa Lê,
e-mail: leth@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/3/2024.

Ngày sửa bài: 18/4/2024.

Ngày nhận đăng: 12/5/2024.

Abstract. Bui Giang (1926 - 1998), a unique and mysterious poet of Vietnam, and Andre Gide (1869 - 1951), the French writer who won the Nobel Prize in Literature in 1947, share an intriguing literary connection. Gide's works in South Vietnam after 1954 gained widespread popularity mainly due to the exceptional translations by Bui Giang. Between these two authors, there is a prominent "harmonious resonance" marked by a profound affection for the female character. The depiction of the female figure in the poetry of Bùi Giáng and the stories of Andre Gide evokes strong emotions and leaves a lasting impression on readers. However, until now, this special convergence in the creative careers of both authors remains unexplored, with no existing works addressing it. This preliminary article aims to compare the "Perception of the Sacred Female" in the poetry of Bui Giang and the stories of Andre Gide (through translations by Bui Giang). The goal is to contribute to a deeper understanding, the decoding of poetic thoughts of Bùi Giáng, and engaging in discussions about one of the exemplary facets of literature in South Vietnam during the period from 1955 to 1975.

Keywords: Female saints, the perception of female saints, Bui Giang's poetry, Andre Gide's novels.

Tóm tắt. Bùi Giáng (1926 - 1998) nhà thơ độc đáo, dị kì của Việt Nam và Andre Gide (1869 - 1951) nhà văn Pháp đoạt giải Nobel văn học năm 1947 có một mối lương duyên thú vị - tác phẩm của Gide ở Miền Nam Việt Nam sau 1954 được phổ biến rộng rãi chủ yếu nhờ vào những bản dịch tài hoa của Bùi Giáng. Giữa hai tác giả có một điểm "đồng thanh tương ứng" nổi bật là mối cảm tình sâu nặng dành cho nhân vật Nữ. Hình tượng người Nữ trong thơ Bùi Giáng và truyện Andre Gide đều gây xúc động và để lại ấn tượng mạnh cho độc giả. Tuy nhiên, cho đến nay, điểm gặp gỡ đặc biệt này trong sự nghiệp sáng tác của hai tác giả vẫn còn là khoảng trống, chưa có công trình nào đề cập. Bài viết bước đầu nghiên cứu so sánh "Cảm thức Thánh Nữ" trong thơ Bùi Giáng và truyện Andre Gide (qua bản dịch của Bùi Giáng) với mong muốn góp thêm một hướng tiếp cận, giải mã tư tưởng thi ca Bùi Giáng; từ đó góp phần luận bàn về một trong những gương mặt tiêu biểu của văn chương Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955 - 1975.

Từ khóa: Thánh Nữ, cảm thức Thánh Nữ, thơ Bùi Giáng, truyện Andre Gide.

1. Mở đầu

Trong những công trình nghiên cứu về sự nghiệp và độc đáo của thơ Thi Sĩ Kỳ Dị Bùi Giáng, đã có một số bài viết xa gần đề cập hình ảnh người Nữ trong thơ Bùi Giáng. Đơn cử, một số nhận

định về “thiên tính nữ”, “người gái nhân gian” hoặc “tình yêu thánh hóa” như: “Thiên tính nữ trong thơ Bùi Giáng là nẻo đường hồn nhiên thanh tấy trong Mưa Nguồn, mang gương mặt phúc hậu vị tha của Mẹ sinh thành, phẳng phất nét Đức Mẹ Maria của phương Tây và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát của phương Đông [...], miền gái đẹp” [1]; “Hình tượng nổi bật khác trong thơ Bùi Giáng là người gái nhân gian, biểu hiện thành người tình cụ thể hay người tình trong mộng... Người đàn bà trong thơ Bùi Giáng được ông thể hiện thành triết mỹ của năng lượng sống ban đầu, uyên nguyên, huyền diệu” [2]; “Tình yêu của ông với những người nữ ngoài đời hay trong tưởng tượng, từ Cô mọi nhỏ đến những bậc nữ lưu danh giá như Phùng Khánh, Kim Cương, Hà Thanh, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot... đều là tình yêu thánh hóa, tình yêu trong ý niệm theo kiểu Platon. Những khát khao dục tính chìm khuất dưới lớp từ ngữ nhiều ẩn dụ. Thành ra Bùi Giáng không ưa làm một thứ văn chương sạch sẽ quá, nhưng văn chương ông vẫn là sang trọng, tục mà không thô” [3]. Ở Việt Nam có một số công trình giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp và truyện ngắn, tiểu thuyết của Andre Gide. Tiêu biểu là những nhận định liên quan đến bài viết của chúng tôi, như “nhân đề *Khung cửa hẹp* lấy từ lời dạy của Chúa Jêsu, [...], *Bọn làm bạc giả* là kiệt tác của Gide và ông coi đây là tiểu thuyết duy nhất của ông, [...], một cuốn “phản – tiểu thuyết” [4]. Tuy nhiên, đi sâu khảo cứu sự xuất hiện của nhân vật Nữ trong thơ Bùi Giáng; từ đó nghiên cứu so sánh cảm thức Thánh Nữ trong thơ văn của Bùi Giáng và Andre Gide, đặc biệt là với bản dịch tác phẩm Andre Gide của chính Bùi Giáng, đây là công trình đầu tiên.

2. Nội dung nghiên cứu

Cuộc đời Bùi Giáng (1926 - 1998) gắn với nhiều giai thoại “ngông” “dị” - những “ngông” “dị” về tài làm thơ, về kiểu cách sinh hoạt/sáng tác khác thường, về “con đường học vấn” khác người. Trong đó, nổi bật là cái “ngông” đào hoa si mê phụ nữ. Điều này từng được chính thi sĩ “xác nhận” trong *Tiểu sử tự thuật* ghi lại tuổi tên những “danh nữ” đã gắn bó với đời ông theo những cách khác nhau: “1970: 1. Lang Thang Du Hành Lục Tỉnh (Khách sạn Long Xuyên Bà Chủ cho ở đây đủ tiện nghi không lấy tiền; 2. Gái Châu Đốc Thương yêu và Gái Long Xuyên Yêu dấu; 3. Gái Chợ Lớn Khiến bị bệnh lậu (bệnh hoa liễu). 1971 – 75 – 93: [...] Bình sinh mộng tưởng vấp phải niềm thương yêu của Kim Cương Nương Tử, Hà Thanh Cô Nương và Mẫu Thân Phùng Khánh (tức Trí Hải Ni Cô)” (theo bản chép tay mà Bùi Giáng ghi vào cuốn sổ gửi ở chùa Pháp Vân, Gia Định, Sài Gòn vào ngày 10/11/1993) [5]. Cũng như đời Bùi Giáng si mê phụ nữ, thơ Bùi Giáng viết rất nhiều về hình ảnh Người Nữ. Và Bùi Giáng chọn dịch Andre Gide (1869 - 1951) là tác giả của những hình tượng Người Nữ - Thánh Nữ.

Theo tư liệu được cung cấp bởi nhà biên soạn *Bùi Giáng Đuôi Ươi Chân Kinh*, sự nghiệp dịch thuật của Bùi Giáng khá phong phú, danh sách bản dịch sơ bộ liệt kê chưa đầy đủ như sau: Martin Heidegger (*Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại I*, Vĩnh Phước, 1963; *Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại II*, Bờ Cừ Long, 1963; *Sao gọi là không có triết học Heidegger?*, Sài Gòn, 1963; *Trăng châu thổ*, Võ Tá Hãn, 1969; *Lời Cố Quận*, An Tiêm, 1972); Albert Camus (*Ngộ nhận*, An Tiêm, 1967; *Bạo chúa Caligula*, Võ Tá Hãn, 1967; *Con người phản kháng*, Võ Tá Hãn, 1968; *Mùa hè sa mạc*, Võ Tá Hãn, 1968; *Biển Đông xe cát*, An Tiêm, 1970); William Shakespeare (*Ophelia Hamlet*, Quế Sơn Võ Tá Hãn, 1969); Antoine de Saint-Exupery (*Hoàng tử Bé*, An Tiêm, 1973); Ngọa Long Sinh (*Kim Kiếm Điều Linh*, Võ Tá Hãn, 1967)... Trong các nhà văn, triết gia phương Tây mà Bùi Giáng chọn dịch, Andre Gide và Albert Camus dường như ảnh hưởng tới Bùi Giáng nhiều hơn cả, chí ít là xét từ góc độ thể loại: các bản dịch tiểu luận triết học của Gide và Camus (*Dưỡng chất trần gian*; *Con người phản kháng*, *Mùa hè sa mạc*, *Biển Đông xe cát*), tiểu thuyết, truyện ngắn Gide (*Khung cửa hẹp*, *Hòa âm điên dã*), kịch Camus (*Ngộ nhận*, *Bạo chúa Caligula*). Đồng thời, sự chọn dịch đó cũng cho thấy điểm gặp gỡ rõ nét nhất giữa thơ Bùi Giáng và truyện Andre Gide chính là cảm hứng về Người Nữ - Thánh Nữ.

Bài viết tập trung giải quyết ba vấn đề: thứ nhất, hình tượng Thánh Nữ (cảm hứng Thánh Nữ hóa) là một điểm nhân quan trọng góp phần làm nên phong cách thơ Bùi Giáng; thứ hai, hình

tượng Thánh Nữ trong tiểu thuyết Andre Gide (qua bản dịch Bùi Giáng) có mối liên hệ mật thiết với tư tưởng nghệ thuật Bùi Giáng; thứ ba, bước đầu lý giải *liên văn bản* thơ Bùi Giáng – truyện Andre Gide trong “cảm thức Thánh Nữ”.

2.1. Cảm hứng Thánh Nữ hóa trong thơ Bùi Giáng

Điều độc đáo góp phần tạo nên bản sắc thơ Bùi Giáng, đó là hình tượng Người Nữ. Nói cách khác, Người Nữ chiếm vị trí trung tâm trong thơ và đoàn văn Bùi Giáng. Cảm nhận ban đầu này đã thúc đẩy việc tiên hành khảo sát những bài thơ, câu thơ và đoàn văn Bùi Giáng mà chúng tôi tiếp cận được.

Xin trình bày ngắn gọn phạm vi, tiêu chí và kết quả khảo sát như sau:

Phạm vi khảo sát *thơ* bao gồm hai tuyển tập *Mưa nguồn (MN)* và *Đuôi Ươi Chân Kinh (ĐUCK)*, trong đó *Đuôi Ươi Chân Kinh* có 29 bài tuyển lại từ *Mưa nguồn* và 215 bài tuyển từ các tập thơ khác (*Lá Hoa Cỏn, Mầu Hoa Trên Ngàn, Ngàn Thu Rớt Hột, Bài Ca Quần Đảo, Sa Mạc Trường Ca, Sa mạc phát tiết...*); *Mưa nguồn* có 140 bài (gồm cả 29 bài đã tuyển lại nói trên); tổng cộng 355 bài thơ và 88 cặp câu thơ lẻ. *Đoản văn* bao gồm các bài/đoạn viết ngắn được tuyển lại trong *Đuôi Ươi Chân Kinh*, tổng số 99 bài/đoạn. Tất cả các trích dẫn thơ và tên bài thơ hoặc đoàn văn của Bùi Giáng đều được dẫn theo *Đuôi Ươi Chân Kinh* và *Mưa nguồn* [5], [6].

Tiêu chí khảo sát là sự xuất hiện của *từ ngữ/hình ảnh* “Em” với các lớp nghĩa biểu trưng riêng của mỗi bài/câu thơ, chúng tôi xác định được năm dạng thức của “Em” và “Không Em”: (1) “Em” biểu thị giới nữ; (2) “Em” gắn với con người thực; (3) “Em” phiếm chỉ, không xác định giới tính; (4) Không có “Em” nhưng từ ngữ/hình ảnh ám chỉ/gợi tả giới nữ; (5) Không “Em”.

Số liệu thống kê *năm dạng thức* như sau:

<i>Bài thơ Câu thơ lẻ Đoản văn</i>	(1) “Em” biểu thị giới nữ	(2) “Em” gắn với con người thực	(3) “Em” phiếm chỉ, không xác định giới tính	(4) Không “Em” nhưng ám chỉ/gợi tả giới nữ	(5) Không “Em”
355 bài (MN, ĐUCK)	226 63,66%	37 10,42%	10 2,81%	13 3,66%	69 19,43%
88 cặp thơ lẻ (ĐUCK)	28 31,82%	4 4,55%	4 4,55%	0	52 59,1%
99 bài/đoạn văn (ĐUCK)	33 33,33%	15 15,15%	0	0	51 51,51%
Tổng số 542	287 52,95%	56 10,33%	14 7,36	13 3,66	172 31,73%

Chúng tôi gộp hai bảng thống kê làm một để tiện quan sát/đối chiếu, thực chất có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm thơ và đoàn văn. Với nhóm *thơ*, có sự hiện diện đầy đủ của năm dạng thức “Em”:

(1) “Em” biểu thị giới nữ: những bài thơ/cặp thơ lẻ nhắc tới “giới nữ” với rất đa dạng “định danh”, như: *con gái, (cô/em) gái, nàng, nương, thiếp, cô nương, Nương Tử, thuyền quyên, hồng nhan, giai nhân, (tí hon) tiên nữ, tiên nương, Thánh Nữ, thôn nữ, kĩ nữ, gái núi, Công Chúa (trên rừng), hoàng hậu/Hoàng Hậu, mẫu thân/Mẫu Thân, cô giáo, cô bà hiệu trưởng, nàng ve chai, cô hàng xóm, cô mọi, em Mọi...*

(2) “Em” gắn với con người thực: những người nữ có thật (trong lịch sử hoặc trong cuộc đời Bùi Giáng), như: *Thúy (Kiều), Tây Thi, Ngu Cơ, Dương Quý Phi, Nam Phương Hoàng Hậu,*

Marylin Monroe/Môn Rô/Lin Rô/Di Ma Llyn Mông Lô, Brigitte Bardot, Phùng Khánh (Trí Hải ni cô), Hà Thanh, Kim Cương, bé con Bình Thạnh...

(3) “Em” phiếm chỉ, không xác định giới tính: một số bài thơ như *Cỏ hoa hồn du mục* (Cỏ hoa từ bỏ ruộng đồng/ Hồn du mục cũ xa gần hử em); *Áo xanh* (Tuổi thơ em có buồn nhiều/ Hãy xin cứ để bóng chiều bay qua/ Biên dẫu sức tình giang hà/ Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh); *Bờ trần gian*; *Ở bên rìa mép*; *Viết thư cho em*; *Mai sau kể lại...*

(4) Không “Em” nhưng từ ngữ/hình ảnh ám chỉ/gọi tả giới nữ: một số bài thơ sử dụng ẩn ngữ phồn thực và lối chơi chữ ám dụ, như: *Lộn rừng* (Khép xuân lục thúy rầy ruộng/ Vành cong cong hiện ngọn nguồn hây hây); *Tái bút cho Từ Thần* (Và quốc sắc thiên hương Thân Ông Ấ/ Quân hồng thơm hơn Thế Dạ Điều Tàn); *Nước ở trần gian*; *Bước chân*; *Từ cung ca...*

(5) Không “Em”: tiêu biểu như: *Chào Nguyên Xuân, Nguyễn Huệ, Miền Nam, Anh lừa bỏ vào đôi sim trái chín, Tràng giang Lục Tĩnh, Phó Thu dịch chuyển, Câu chuyện trong núi, Mây chiều nay, Nói với tuổi một sách, Ngoại ô, Mắt buồn, Cõi Tô Châu...*

Với nhóm *đoản văn*, do đặc thù thể loại, chỉ có ba dạng thức (1) (2) (5); ở mỗi dạng thức này, sự hiện diện của “Em” – “Không Em” cũng không hoàn toàn trùng khớp với nhóm thơ.

Những bài/đoạn văn dạng thức (1) có chung đặc điểm: viết về thi nhân, triết gia nam giới hoặc các vấn đề triết học, văn chương, cuộc sống nhưng luôn nhắc tới nữ giới hoặc dẫn dụ những câu thơ, đoạn thơ ca ngợi nữ giới (mẹ/chi/em/ni cô/cô gái/mẫu thân/gái), tiêu biểu như: *Tuệ Sĩ, Quang Dũng, Hồ Xuân Dzenh, Xuân Diệu, Huy Tường, Sách vũ hiệp, Đón tre, Đạo đức kinh, Phó phường mọc cỏ, Ngày thật điên, Ngày đập thanh, Ngày gái đi tiểu, Nietzsche, Albert Camus, Apollinaire, Tuổi 95, Lên mặt trăng...*

Bài/đoạn văn dạng thức (2) trực tiếp viết về những người nữ có thực mà Bùi Giáng yêu thương, ca tụng, thường là các nữ thi sĩ, diễn viên hoặc ni cô, tiêu biểu như: *Nguyễn Thị Hoàng, Ngân Giang nữ sĩ, Vân Đài, Bích Yên, Trí Hải (Ni Cô), Monroe Mọi Nhỏ, Mẫu thân Hà Thanh, Mẫu thân Kim Cương, Mẫu Thân Phùng Khánh, Mỗi mỗi ngày...* Điều thú vị khiến chúng tôi quan tâm đến nhóm *đoản văn* chính bởi những bài/đoạn dạng thức (1) và (2) đều có giá trị như một kiểu “*tiêu sử tự thuật*” về những mối quan hệ đời tư của tác giả, giúp soi chiếu sáng tỏ hơn những vần thơ đôi khi rất kì bí của ông.

Nghiên cứu định lượng hình ảnh Người Nữ trong thơ Bùi Giáng, cộng ba dạng thức (1), (2), (4) ta có được 66,94% số bài xuất hiện Người Nữ. Với cặp thơ lẻ và *đoản văn*, tỉ lệ này thấp hơn, lần lượt là 36% và 48%. Nhìn tổng thể, đó là những con số có ý nghĩa thể hiện mối quan tâm sâu sắc mà Bùi Giáng dành cho Người Nữ - nguồn thi hứng bất tận của đời thơ ông.

Với Bùi Giáng, “*bản chất Gái*” nghĩa là Đẹp và Kì Diệu. Ông thường xuyên tôn vinh Người Nữ bằng nhiều cách: sử dụng nhân danh xưng tụng (tiên nương, tiên nữ, hoàng hậu, công chúa); viết hoa các danh xưng đó (Tiên Nương, Thánh Nữ, Nương Tử, Mẫu Thân, Hoàng Hậu, Em Mọi); đặc biệt là, với hầu như tất cả những Người Nữ trên trần gian mà ông quen/biết và xúc cảm làm thơ, từ thôn nữ, mỹ nữ, kĩ nữ cho tới cô giáo, cô mọi, cô hàng xóm, nàng ve chai, ông đều dành cho họ những thi từ thân thuộc, trìu mến, có lúc bông phèng nhưng luôn nhất quán một cảm hứng yêu thương, ngưỡng mộ, ngợi ca.

Thôn nữ trong thơ Bùi Giáng mang vẻ đẹp hồn nhiên phóng túng của đất trời quê hương xứ sở. Bài thơ *Thôn làng xưa gái Quảng Nam* gồm 43 câu thơ tứ ngôn, nửa đầu hoài niệm từng tên đất tên làng Thanh Châu, Vĩnh Trinh, Bảo An, Phó Hội; nửa sau tỏ bày nỗi say đắm “Gái” của miền đất ấy, khiến cho độc giả cảm nhận rõ ràng, với Bùi Giáng, gái Quảng Nam chính là linh hồn xứ sở: “Em nhỏ làm sao [...] Mà đẹp làm sao [...] Gái buổi ban đầu/ Gái là của gái [...] Đầu tôi xin đội/ Gái trên ông trời”. Chùm thơ *Gửi thôn nữ Vĩnh Trinh, Sầu Lục Tĩnh, Trời Nam Việt, Trang phượng vĩ* cũng một nỗi si mê “Em” hòa lẫn trong tình yêu đất trời nước Việt: “Thu Trang ạ em là Con Gái Việt/ Em đi xa thì Gái Việt đi xa” (*Trang phượng vĩ*); “Tuổi trẻ qua đi xin em ở lại bây giờ và một lát nữa xưa sau [...] Trời nước mông mông tán thành nhân gian thương nhớ rộng thênh thu nào Lục Tĩnh bờ Tiền Giang Châu Đốc em Sa Đéc Hóc Môn mùa Lá Thiêu Sầu

Riêng Mãng Cụt hương mật mớm chày tràn môi nhau [...] Ôi Trà Vinh Vĩnh Long bao giờ có dịp. Em Cần Thơ Mỹ Thọ ta nghe chừng em ước nguyện rất nhiều rồi [...] Chiều Long Xuyên nghe gió thổi lên ngàn. Về Trung Việt có ngày em sẽ khóc. Trời đất tụ về chung nơi một góc. Một năm nào đời đứng lại nghe xuân [...] Thương nhớ lấm bóng hình ai em ạ. Đã một lần về đứng lại nơi đây [...] Em ngỡ ngác như hôn người con gái. Đứng một mình thơ dại ngó mông lung” (*Trời Nam Việt*). Một thôn nữ về làng là mang về cho cây, sông, mây, nước, trời, đất, ruộng, vườn sức sống mềm mại thơm tho trong cuộc hồi sinh dồi dào mạnh mẽ: “Bé cong thân gái xương tròn/ Thân thơm mạch gỗ xuân ròn gió cây/ Trút sông vẽ nước về mây/ Đổ trời nghiêng đất luống cày ruộng nương/ Con chim từ đó lại vườn/ Kia kia thôn nữ một nương về thôn” (*Bé cong thân gái*). Một cô giáo mang vẻ đẹp của “đào tiên, cỏ tiên, thần tiên” trong mỗi bước đi: “Cô đi kiêu diễm giang hà/ Mộng ngây ngất bóng mơ lòà xòà vang” (*Cô giáo bước đi*). Một nàng ve chai kì diệu như tiên nữ: “Em xinh như một nàng tiên/ Nàng tiên lao động, liên miên phố phường” (*Nàng ve chai*). Một bé gái trên phố khiến “Ông” trẻ lại, say thơ: “Gặp con ông tưởng gặp tiên/ Tỷ hon tiên nữ mới tám tuổi đầu” (*Bé con quận Bình Thạnh*). Vòng tóc rối của Gái khiến ông trời cũng bối rối: “Em là người con gái/ Có vừng tóc mênh mông/ Rối bờ như cỏ dại/ Dịu dặt như cánh đồng/ Con gió nồm thổi lại/ Trời quên mắt càn khôn” (*Em là*).

Bằng những thi từ khác nhau, lúc chữ nghĩa trang trọng lúc nôm na hóm hỉnh, Bùi Giáng luôn tạo hình Người Nữ trong tầm vóc sánh cùng vũ trụ, trời đất, lịch sử, thần tiên:

“Em đi rắc lá trên đàng/ Cỏ xanh rì mọc suốt càn khôn kia” (*Rượu uống*)

“Lời trong tiếng dội núi đồi/ Sử xanh còn vọng điệu ngòi vén xiêm” (*Làm thân con gái*)

“Làm con gái để người thừa/ Rằng con gái ấy đẹp chưa ông trời?” (*Màu hoa con gái*)

“Đùa với tuyết giỡn với vân/ Một mình nhớ mãi gái trần gian xa (*Thần tiên trên núi*)

Bài thơ *Ôi một người con gái* là lời tụng ca thiên chức Nữ và tôn vinh thiên tính Nữ:

Ôi một người con gái

Là đúng một bầu trời

Là sinh con đẻ cái

Đẹp bằng hột mưa rơi

Ôi một người con gái

Dù là gái đốt than

Cũng đẹp như suối ngàn

Chảy từ trên núi xuống

Xin loài người hãy uống

Nước từ hờ hang khe

Trong bóng tối đêm khuya

(Hoặc trong ánh sáng ban ngày cũng được)

Bài thơ phóng tác lối nói dân gian (ví von người con gái với bầu trời và hột mưa, cách nói dân dã “sinh con đẻ cái”) trong chất giọng hài hước của Bùi Giáng (chơi chữ “nước từ hờ hang khe”, tạo cặp nghịch ngữ “đêm - ngày” đồng thời chuyển giọng “nói chơi” ở câu kết), đã đúc kết một cách giản dị quan niệm về Thánh Nữ của Bùi Giáng. Đó là tư tưởng “Nguyên lý Nữ Đẹp”: Nữ Đẹp khác thường (*tiên/vũ trụ/bầu trời*), Nữ Đẹp đời thường (*mẹ/sinh đẻ*), Nữ Đẹp tự nhiên (*em mọi/hờ hang khe*), Nữ Đẹp phồn thực (*nước suối/hang*), và Nữ Đẹp đoạn trường (với ngữ vựng Nguyễn Du sẽ được trình bày ở đoạn sau).

Thơ Bùi Giáng sử dụng một hệ thống hình ảnh mang tính biểu tượng phồn thực/sinh sản/tái sinh đồng thời là biểu tượng tính dục, như: *cỏ* (herbes) biểu thị “khả năng sinh sản, hiệu năng trị bệnh, là sự hiển linh của nữ thần phồn thực”; *nước/nguồn nước/suối* tượng trưng cho “nguồn sống, phương tiện thanh tẩy, trung tâm tái sinh”, “sự trẻ lại không ngừng” “là máu của thần linh, là tinh dịch của trời”; *mưa (nguồn)* là “bản nguyên chủ động thuộc trời, từ đó có mọi dạng hiện hữu”,

là “tinh khí” hoặc “hạt giống” làm cho đất sinh sản dồi dào; **hang** (caverne) ở bình diện tích cực là “mẫu gốc của hình ảnh từ cung của người mẹ”, là “nơi sinh đẻ và nơi thụ phác”, “hình tượng của trung tâm và của trái tim” “hình ảnh của vũ trụ”. Tất cả những trích dẫn về ý nghĩa của các biểu tượng đều dẫn theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* [7; 201, 380, 383, 608, 609, 649, 650].

Cho đến thập kỉ sáu mươi của thế kỉ XX, Bùi Giáng là nhà thơ đầu tiên của thơ ca Việt Nam hiện đại đã tiếp nối cảm hứng thơ Nôm Hồ Xuân Hương thế kỉ XVIII - XIX, tạo nên một sinh thể phồn thực mới vừa quen vừa lạ. Thi từ Bùi Giáng thường gọi liên tưởng tới những ẩn ngữ sinh thực khí nữ trong thơ Hồ Xuân Hương – cái từng bị nhà nho chính thống phê phán là “dâm tục”, cũng là (cái) yoni vốn được thờ phụng trong tín ngưỡng dân gian cổ đại. Những **cổ, lá, hoa, cồn, hang, khe, hẻm, bờ, cong, rìa, mép, ruộng, nước, suối (nguồn), mưa (nguồn)**... ám dụ hình hài cơ thể Nữ và tính dục Nữ được trùng điệp trong nhiều bài thơ Bùi Giáng thường nhắc nhớ những câu thơ Xuân Hương như: “Cầu trắng phau phau hai ván ghép/ Nước trong leo lẻo một dòng thông/ Cỏ gà lún phún leo quanh mép/ Cá diếc le te lội giữa dòng” (*Cái giếng*); “Triền đá cỏ leo sò rậm rạp/ Lạch khe nước rỉ mó lam nham” (*Chùa Sài Sơn*).

Vẫn là cảm hứng Thánh Nữ hóa khi thơ Bùi Giáng viết nhiều về “quần/váy” của “Em” mà bài thơ *Mảnh quần* là một tiêu biểu: “Người con gái hôm nay mặc quần mới [...] / Người con gái hôm nay mặc quần đỏ [...] / Người con gái lội qua khe chân trắng [...] / Người con gái lội qua khe nước chảy [...]”. Câu chuyện “mặc quần/lội khe” có tính phồn thực, tưởng chừng dung tục đã được thi sĩ chuyển hóa thành sự kiện rung động kì lạ của vũ trụ và cõi người trước sức sống nồng nàn của Người Con Gái: “...Trời tháng bảy mây chân trời bồi rôi/ Nước lên đồng ngập bờ ruộng của em.../...Khấp bốn phía bọt đàn ông nín lặng/ Bốn chân mây cỏ mọc rộng qua bờ...” (*Mảnh quần*).

Trong cảm hứng Thánh Nữ hóa, thơ Bùi Giáng đồng thời tiếp biến lục bát *Đoạn trường tân thanh* (nhân đề đích thực của kiệt tác *Truyện Kiều*) tạo nên một vẻ Đẹp huyền hoặc khác trong hình tượng Người Nữ - vẻ “Đẹp đoạn trường”. Thống kê sơ bộ cho thấy, “ngữ vựng Nguyễn Du” là một độc đáo trong thơ Bùi Giáng, đó sẽ là đề tài của một bài viết khác. Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh một số từ/ngữ/câu/giọng lục bát *Đoạn trường tân thanh* mà Bùi Giáng thường sử dụng trong ngữ điệu tụng ca Người Nữ, tiêu biểu như: *đoạn trường, hồng nhan, quốc sắc, thiên hương, khuynh thành, tòa (thiên nhiên), càn khôn, dâu biển, thương hải, cõi người ta, trăm năm, (anh hoa) phát tiết, cỏ lục, cỏ thơm, thiều quang*...:

“Rằng **hồng nhan** tới ngàn sau/ Còn du dương hội sang giàu của em/ Mở hai hàng cỏ ngó xem/ Dòng thiên thu rộng là em bây giờ” (*Mở hai hàng cỏ*);

“Bàn chân bước nghe một lần sóng dậy/ Sắc **khuynh thành** một thuở động binh đao” (*Ly tao hai*);

“Người đi tôi ở lại nhà/ Nhớ không chịu nổi nhà ma đi đời/ **Tòa thiên nhiên** dựng bên trời/ Lời **trăm năm** cũng là lời bỏ đi” (*Thần lẩn địa phương*);

“Trời đất lạnh và lòng anh không thỏa/ Gửi hồn đi phương hướng hút heo ngàn/[...] Em **quốc sắc** em **thiên hương** đã uổng/ Làm sao khuây khỏa hận của thiên tài” (*Hận – Lời đề từ: Nhớ Tố Như*)

Sự tôn thờ Người Nữ được nhân đôi khi thi sĩ xây dựng nhân vật trữ tình mang tên “Người Cuồng Si Em”. Nhân vật si cuồng này thấp thoáng bóng dáng của các chàng si tình trong truyện Nôm xưa như Kim Trọng (*Đoạn trường tân thanh*), Phạm Kim (*Sơ kinh tân trang*), Phan Tất Chánh (*Phan Trần*), Lương Phương Châu (*Hoa tiên*), Song Tinh (*Truyện Song Tinh*) - những nhân vật nam chính có chung trạng thái “lụy tình/thất tình” ở các mức độ khác nhau (khóc ngất, ốm bệnh, mất trí, chán đời đi tu) chệch ra ngoài quỹ đạo “nam nhi chí”. Tuy nhiên, mức độ si tình được nâng lên tầm quân vương/hoàng đế thì chỉ là cái ngộ/dị của riêng Bùi Giáng. Đương thời, có lẽ chưa nhà thơ Việt Nam nào tự phong “hoàng đế” cốt để tôn vinh “hoàng hậu” của lòng mình. Đặc biệt hơn khi “hoàng hậu” là Em Mọi: “Trăm sẽ làm thơ/ Suốt Sinh Bình/ Trăm làm thơ suốt/ Cõi Bình Sinh/ Trăm tặng riêng Em/ Là Em Mọi/ Hoa ở Trên Ngàn/ Em rất xinh” (*Trăm sẽ làm thơ*). Trong thế giới Người Nữ mà Bùi Giáng say đắm, có hai nhân vật độc đáo hơn cả là Em Mọi và Mẫu Thân - một hình tượng luôn gắn liền với “rừng, suối, núi, ngàn” và một hình tượng

Mẫu/Mẹ “người đẻ ra thiên tài” – đều chung cảm thức tụng ca Nguồn Cội/Nguyên Xuân, tụng ca Tự Nhiên Vĩ Đại vốn là cảm thức lớn bao trùm thi hứng Bùi Giáng.

Người Cuồng Si Em không chỉ “đích thị đười ươi thi sĩ bùi trung niên” mà còn hóa thân vào nhân vật lịch sử. Đó là sự hóa thân “đồng dạng” khi một hoàng đế “tự phong” trò chuyện cảm thông cùng một hoàng đế có thực từng đi vào chính sử với “kì tích” dùng giang sơn Chiêm Thành (Ô Ri) đổi lấy vợ Đại Việt:

“Bây giờ tôi rất yêu ngài
Bởi vì ngài rất yêu nàng Huyền Trân
Yêu từ cổ xuống tới chân
Suốt miền thân thể như gòn như xa
Quận Thành đem đổi làn da
Hỏi sao lạ rứa? – hào hoa thừa rằng
Có chi mô
Có chi mô
Nàng tuy nhỏ bé mà to bằng trời
[...] Trăm năm trong cõi người ta
Thân còn chẳng tiếc lọ là Ô Ri
Riêng Công Chúa nọ Ly Kì
Là tôi tiếc suốt li bì càn khôn” (Nhớ Chế Mân)

Lại là hóa thân “ngịch đảo” khi thi sĩ cải tác điển tích Tô Vũ chăn dê, hoá đổi hình tượng ông quan trung hiếu đi sứ thành ra một chàng du mục yêu tha thiết đàn dê của mình:

“[...] Ngẩng đầu lên! Dê ơi anh thông thả
Đeo vòng vào em nghẽn cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên! Đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên

Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lời ước thệ
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi

[...] Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đồi núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha” (Nỗi lòng Tô Vũ)

Nỗi lòng Tô Vũ là bài thơ hội tụ nhiều chỉ dấu đặc sắc của thơ Bùi Giáng. Không chỉ mang tính tự thuật (lời đề từ bản in trong tập *Mưa nguồn*: “kì niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú”), *Nỗi lòng Tô Vũ* gồm 60 câu thơ (đa số câu tám chữ, chia thành 15 đoạn) rất tiêu biểu cho lối thơ trường thiên tự do bay bổng của Bùi Giáng với ẩn dụ tình ái “Em” – “Anh”, với biểu tượng “dê cái - nhũ mẫu” tụng ca Người Nữ, và hơn hết là tình yêu say đắm mà Người Cuồng Si Em thổ lộ giữa rừng núi nghìn thu.

Người Cuồng Si xuất hiện trong bài thơ *Phụng hiến* cũng rất độc đáo. Với 66 câu thơ trường thiên được chia hai nửa, nửa đầu bài thơ là tình yêu tha thiết trần gian, bầu trời, mặt đất, bình minh, hoàng hôn, mây, sông, trăng, gió...; nửa còn lại thổ lộ nỗi si mê với phần tinh hoa của cõi trần gian ấy:

[...] Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt

Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em

[...] Ta gửi lại đây những lời áo nã

Những lời yêu thương phụng hiến cho em

Không chỉ bằng thơ, ngay cả trong đoản văn/tiểu luận, Người Cuồng Si Em cũng tỏ ra thiên vị thái quá với những nhà thơ Nữ. Bùi Giáng coi thơ của hai bậc tiền bối “bà nội bà ngoại” Vân Đài và Ngân Giang là “bài thơ sông núi” trong so sánh với “Thơ Nguyễn Công Trứ là một con zero. Thơ Cao Bá Quát là một con zero rười” [5; 308]. Giọng hài hước giỡn chơi trong đoản văn viết về Người Nữ là cách tụng ca Thánh Nữ theo “kiểu Bùi Giáng”: “ngày đó những người con gái trần gian nhớ thương tôi, sẽ rủ cô Kim Cương đi tiểu tới nắm mộ tôi ban cấp cho tôi những mưa móc sum sê như sương rơi lòa xòa thánh thót... Mở hai hàng cỏ tháng ba/ Lễ là Đi Tiểu, hội là Vén Xiêm. Lúc bảy giờ, tại ngưỡng cửa một non nước tinh khiết Chúng Hương, những người con gái sẽ vén xiêm đi tiểu... Thì mọi muối mặn của địa cầu cùng rúng động run rẩy trong trận chiêm bao” (*Ngày Đạp thanh*). Cho đến việc chuyển ngữ tiểu thuyết võ hiệp Ngọa Long Sinh, có lẽ cũng là cách Bùi Giáng tìm cơ hội để tôn vinh phẩm chất hòa ái bao dung của Người Nữ - những “nuông tử thiên thu, kết tụ những rẽ riêng trên mặt biển dâu, điều hòa những tranh chấp [...] cho đến nỗi những trang thanh niên anh hùng đều ngoan ngoãn chịu theo đuôi, những chương môn phương trượng đề huê chịu theo gót” (*Tựa Kim Kiếm Diêu Linh*).

Một độc đáo nữa trong cảm hứng Thánh Nữ hóa của thơ Bùi Giáng là những tên tuổi Người Nữ có thực. Kết quả khảo sát cho thấy số lượng và tần số xuất hiện của Người Nữ có thực là khá lớn. Bài thơ *Quốc sắc Việt Nam* tựa như một bảo tàng thu nhỏ về Mỹ Nhân Việt dưới con mắt Người Cuồng Si Bùi Giáng:

Nam Phương Hoàng Hậu đẹp một cách thông dong

Kim Cương Nương Tử đẹp một cách thoải mái

Hà Thanh Công Chúa đẹp một cách cởi mở

Trí Hải Ni Cô đẹp một cách không lời

Phùng Khánh Tiểu Thư đẹp một cách u uẩn

Cô Em Mọi Nhỏ đẹp một cách kim cương

Hà Thanh Nữ Chúa đẹp một cách bát nhã

Ni Cô Khiếm Diện đẹp một cách phiêu bồng

Gái Núi trên rừng đẹp một cách bà là mặt

Những hồng nhan tôi không quen biết đẹp một cách chiêm bao

Bài thơ tiêu biểu cho phong cách “ngôn ngữ hai mặt” Bùi Giáng, lấp lửng giữa trang trọng và giỡn chơi, tụng ca và giễu nhại. Tất cả hồng nhan nước Việt, từ Hoàng Hậu triều Nguyễn cho đến Em Mọi trên rừng, từ Người Nữ quen biết đến Người Nữ không quen biết, Bùi Giáng “chia đều” cho những tính từ Đẹp, nhóm từ thông dụng (*thông dong, thoải mái, cởi mở, không lời*) đan xen nhóm Phật ngữ (*kim cương, bát nhã, bà là mặt*) và nhóm “biệt ngữ” (*u uẩn, phiêu bồng, chiêm bao*). Tụng ca Người Nữ, thi sĩ đồng thời trình diễn *phong cách thi ngữ* nhãn hiệu Bùi Giáng – một cách xác lập diễn ngôn bản thể luận Lão - Trang “tê vật luận”, “tieu dao du” đầy khinh khoái mà Bùi Giáng luôn thể hiện trong cả đời sống và đời thơ ông. Cảm thức triết học nhân sinh Lão - Trang coi trọng sự sống tự nhiên tự do bình đẳng giữa muôn loài trên mặt đất phải chăng là căn cội tư tưởng nghệ thuật khiến cảm hứng Thánh Nữ hóa trở nên bay bổng hơn?

2.2. Thánh Nữ trong tiểu thuyết Andre Gide (qua bản dịch Bùi Giáng)

Như đã nói, Bùi Giáng dịch nhiều tác phẩm của Andre Gide, trong đó có *Khung cửa hẹp* (*La Porte Estroite*, 1909, bản dịch 1966) và *Hòa âm điển dã* (*La Symphonie Pastorale*, 1919, bản dịch

1969). Hai tác phẩm này có điểm chung với *Bọn làm bạc giả* (*Les Faux-monnayeurs*) của Gide – tiểu thuyết được biết tới với hình tượng Thánh Nữ và cảm hứng tôn thờ Người Nữ.

Ba tiểu thuyết đều khắc họa hình tượng Người Nữ - Thánh Nữ là tâm điểm của cốt truyện cũng như hệ thống nhân vật, chủ đề tác phẩm. Ba tác phẩm tạo thành “giai điệu bay bổng” về Thánh Nữ như là đặc trưng tiêu biểu của văn chương Gide. “Thánh Nữ” trong cả ba tiểu thuyết của Gide đều là Người Nữ đẹp hoàn hảo về đời sống tinh thần, mang nặng đức hy sinh và đức tin tôn giáo. Gide cũng như Bùi Giáng, không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào để bày tỏ thái độ ngưỡng mộ và thương xót Người Nữ trong tác phẩm của mình.

Trong *Bọn làm bạc giả*, Gide luôn nhấn mạnh vẻ đẹp tinh thần cao quý của nhân vật nữ trót “sa chân lỡ bước” giữa thế giới vật chất giả dối. Ở đó, như tác phẩm miêu tả, đàn ông hiện lên như là những kẻ chà đạp luân lý, coi thường pháp luật, sống trăng hoa, phản bội vợ hiền, tổ chức đường dây tiêu thụ tiền giả và đây rẫy mảnh khố che giấu tội phạm. Còn hình tượng phụ nữ được khắc họa như là đứng ngoài vòng quay giả dối ấy. Dù mang “vết nho” ngoại tình, nhân vật Laura vẫn khiến giới đàn ông từ nhà văn lão luyện, ông giáo đứng đắn, cho đến cậu học trò mới lớn đều phải lòng, thậm chí nâng niu, ngưỡng mộ. Gide không ngần ngại để cho chàng học sinh trung học Bernard sa vào mối tình đầu đơn phương với “chị” mặc dù chứng kiến nỗi xấu hổ giằng xé của “chị” khi bị nhân tình bỏ rơi trong tình cảnh mang thai và được người chồng sẵn sàng tha thứ, nhấn nhủ trở về. Lời Bernard tâm sự với cậu bạn thân Olivier có lẽ cũng là điều mà Andre Gide muốn nhấn nhủ về sự kì diệu của Thánh Nữ trong cõi nhân sinh nhiều giả trá: “Tình cảm ấy đối với tôi mới mẻ đến nỗi nó còn chưa sáng tạo ra được ngôn ngữ riêng [...] đó không phải là tình yêu (bởi vì chị không thích cái từ ngữ đó) mà là *sự sùng kính* [...] tất cả những gì tôi muốn làm bây giờ là để xứng đáng phần nào với lòng quý mến của chị” [8; 252]. Tương tự, người chồng “bị cấm sùng” cũng không hề mất đi tình yêu vô điều kiện với Laura - Douviers viết thư tha thiết khẩn cầu vợ quay lại: “Anh đợi em với tất cả tâm hồn, anh *tôn thờ em và phủ phục xuống* trước mặt em” [8; 253]. Như vậy, cả hai người đàn ông, Bernard và Douviers, dù rất khác nhau trong mối quan hệ với Laura, nhưng họ đều có chung sự sùng kính và tôn thờ người phụ nữ lâm vào cảnh ngộ bất thường mà nếu xét từ góc độ đạo đức thông thường, nàng đáng bị lên án. Tình yêu dành cho Laura của Bernard và Douviers rõ ràng đã vượt khỏi sự luyến ái nam nữ thường tình mà chạm tới tình yêu thánh thiện và đức tin tôn giáo. Đó phải chăng là những nhân vật nam giới phát ngôn đại diện cho cảm thức Thánh Nữ của Gide?

Trong ba tiểu thuyết của Gide có thể thấy rõ hai kiểu Thánh Nữ. Kiểu thứ nhất tạm gọi là “nghịch chiều” như Laura, bị bản năng giới (sex) lôi kéo, (có lúc) sống tự do buông thả chệch ngoài khuôn mẫu đạo đức; nhưng trong sự sùng kính và tôn thờ của những người đàn ông, Nàng vẫn mang phẩm chất Thánh Nữ. Kiểu thứ hai là Thánh Nữ đích thực mà Alissa và Gertrude là đại diện.

Nhân vật Alissa trong *Khung cửa hẹp* là đối tượng của một tình yêu thuần túy tinh thần từ người anh họ. Jerome 14 tuổi, yêu Alissa bằng “mối tình kì ảo ban sơ” “không tìm cách chiếm đoạt (con người) mà chỉ mong làm sao cho xứng đáng”, chàng “làm việc, cố gắng, miệt mài, mỗi mỗi đều vì Alissa mà chịu khổ”, “dâng nàng mọi thứ chiêm bao mà lại che giấu không cho nàng rõ đầu đuôi căn cứ”. Jerome “không tìm ý nghĩa nào khác cho cuộc đời mình ngoài tình yêu Alissa”. Alissa “giống như viên ngọc quý trong sách Phúc Âm và tôi (Jerome) là kẻ bán hết của cải của mình để mua lấy ngọc”, ngọc báu đó chính là “tâm hồn dung dị, [...] một vẻ đẹp thuần túy, thiên nhiên, đơn sơ, dễ dàng, thông dong thư thả như tịch mịch xuôi theo [...] ngậy thơ, đoan trang [...] dịu dàng, an ủi [...]” của Alissa [tất cả trích dẫn *Khung cửa hẹp* đều theo tài liệu tham khảo 9]. Tương tự, Alissa yêu Jerome cũng bằng một mối tình thánh thiện, đồng trinh, vượt trên luyến ái thường tình. Suốt đời khắc khoải trong tình yêu dành cho người anh họ, nhưng nàng đã từ chối đính hôn với Jerome, bởi muốn nhường em gái được yên bề gia thất trước và muốn dành thời gian chăm sóc người cha ốm bệnh.

Hòa âm điển dã tiếp nối hình tượng Thánh Nữ Alissa ở một khía cạnh khác. Cô bé mồ côi mù lòa Gertrude may mắn được mục sư cuu mang dạy dỗ đã lột xác thành một thiếu nữ tinh tế

mộ đạo. Nhưng giây phút Gertrude được chữa lành đôi mắt, thấy ánh sáng mặt trời cũng là lúc nàng phải tự tìm đến cái chết. Tình yêu của cả hai cha con mục sư dành cho nàng đã đẩy nàng vào sự bế tắc tuyệt vọng. Gertrude yêu vị mục sư bằng tâm hồn thơ ngây, biết ơn, kính phục và sự hòa hợp nội tâm nhưng đôi mắt mù lòa của Nàng lại tưởng tượng hình hài mục sư trẻ trung cường tráng như Jacques – con trai ông, cậu bé cùng lứa tuổi với Nàng. Bi kịch của Nàng là vị mục sư mà Nàng coi như cha lại đem lòng mê đắm đứa con gái nuôi tật nguyền đang được chính ông dạy dỗ cho linh hồn trở lại. Trong cuộc chiến giành giật tình yêu của Gertrude giữa hai cha con, vị mục sư đã “thắng” khiến đứa con trai tìm đường vào tu viện. Nhưng ông sẽ phải gánh chịu nỗi đau đớn đến suốt đời.

Môtip “mù mắt sáng lòng” bắt nguồn từ bi kịch Hy Lạp cổ đại (*Êđíp làm vua* - Sophocle) đã được Gide cải biên nghịch đảo thành ý tưởng xót thương và tụng ca bi kịch Thánh Nữ. Ngược lại với bi kịch của Êđíp tự chọc mù mắt khi hiểu ra sự thật; Gertrude được sáng mắt trở lại, nhìn rõ sự thật thì phải tự tìm đến cái chết. Gertrude mang hình bóng Đức Mẹ Đồng Trinh nhưng là Đức Mẹ ân trong hình hài Đức Chúa chịu tội trên cây Thập Giá, Nàng chịu tội cho chính mình và cho hai người đàn ông mà Nàng hết mực yêu thương. Cái chết của Gertrude vừa là sự đền ơn vừa là nguồn thanh tẩy cho những con người đã cuu mang, chăm chút và si mê Nàng.

Hình tượng Thánh Nữ Alissa và Gertrude chính là điểm gặp gỡ giữa Andre Gide và Bùi Giáng trong tư tưởng nhân văn – trân quý, nâng niu Người Nữ trong tất cả vẻ Đẹp cũng như sự khuyết thiếu của họ.

2.3. Liên văn bản Đông – Tây về Thánh Nữ trong tác phẩm Bùi Giáng

Có thể nói, chọn dịch ba tác phẩm của Andre Gide – một tiểu luận triết học (*Dưỡng chất trần gian*) và hai tiểu thuyết (*Khung cửa hẹp*, *Hòa âm điển dã*) lần lượt được sáng tác trong giai đoạn đầu của đời văn Gide, từ 1897 đến 1919 - Bùi Giáng đã gián tiếp bày tỏ mối đồng cảm tri âm với nhà văn Pháp, điều này hẳn có nhiều lý do, mà trước hết là lí do thời đại, đời tư và tư tưởng nhân sinh của hai tác giả.

Andre Gide (1869 - 1951) và Bùi Giáng (1926 - 1998) tuy chào đời cách nhau gần nửa thế kỉ song lúc Gide nhận giải Nobel văn học (1947) rồi tạ thế (1951), Bùi Giáng cũng đã bước vào tuổi thanh xuân, đã kịp trải nghiệm những học hành dang dở, về quê chăn bò, lang thang ra Huế, nhập ngũ, giải ngũ rồi chính thức gia nhập đời sống phố thị Sài Gòn. Mười bốn năm sau khi Gide từ giã cõi thế, Bùi Giáng bị cháy nhà “mất trụ bản thảo” (1965), để ngay năm đó ông “in vội vàng Sa Mạc Phát Tiết” ở nhà An Tiêm; và liên tiếp cho ra đời các bản dịch tác phẩm Gide (trong khoảng 1966 - 1972), đặc biệt là bản dịch *Hòa âm điển dã* được nhà Võ Tá Hãn xuất bản chính vào khoảng khắc Bùi Giáng “bắt đầu điển rục rở” năm 1969.

Cuộc đời hai ông đều trải qua thời đại chiến tranh tàn khốc. Gide vừa ra đời đã hứng chịu chiến tranh Pháp - Phổ 1870 – 1871, rồi chứng kiến đủ hai cuộc thế chiến 1914 – 1918, 1939 – 1945. Tương tự, cuộc đời Bùi Giáng trải nghiệm những cuộc chiến tranh khác nhau, đó là kháng chiến chống Pháp sau thời kì độc lập và sự xung đột giữa hai miền đất nước từ năm 1954 đến 1975. Cuộc đời xô dịch thăng trầm cũng là điểm khiến hai tác giả “đồng thanh tương ứng”. Gide “du hành” nhiều nước châu Phi, châu Á, Liên Xô (cũ). Không có điều kiện xuất ngoại hoặc đi tới những miền xa một cách tự do như Gide, nhưng Bùi Giáng cũng trải một đời lang thang lẩn lóc, với những quãng đời kì dị - chăn bò ở miền Nam Ngãi Trung Việt, những cuộc sinh hoạt “tự hủy” giữa phố thị - tắm giữa đường, ngủ gầm cầu, vỉa hè, mái hiên, chùa chiền mà ông gọi đó là “Ngày Tháng Ngao Du”.

Andre Gide có một đời sáng tác lâu dài đồ sộ suốt hơn nửa thế kỉ (1897 - 1948), thể loại, chủ đề tác phẩm cũng như tư tưởng của ông đa diện, phức tạp với nhiều khúc quanh và chuyên hướng, có ảnh hưởng sâu sắc đến các thế hệ tác giả đời sau [4]. Bùi Giáng “sinh sau đẻ muộn” tất yếu gia nhập đội ngũ hậu sinh đó. Chỉ có điều là, Bùi công quan tâm chủ yếu đến những sáng tác thời trẻ của Gide và chịu ảnh hưởng cảm thức Thánh Nữ rõ rệt nhất. Có thể bởi nhiều nguyên do, từ điều

kiện tiếp cận văn bản cho đến khả năng dịch thuật, môi trường và hoàn cảnh chọn lựa văn bản. Nhưng nguyên do căn bản có lẽ vẫn là sự đồng điệu trong quan niệm nhân sinh và tư tưởng nghệ thuật coi Người Nữ là hình ảnh của Cái Đẹp Nhân Thế, là “thuốc thử” đồng thời là “thước đo” tinh thần đạo đức con người. Đó còn là sự đồng cảm trong cuộc đấu tranh nội tâm khắc khoải - “cuộc chiến đấu giữa hai thế lực, một bên là ác quỷ với một bên là thiên thần” [10]. Là thái độ trung thực chân thành khi sáng tác văn chương, cứ “nguyên mẫu hình hài” bản thân mà phơi tỏ trên trang giấy. Mỗi tác phẩm của cả hai ông đều mang tính *nhật kí đời tư* trực tiếp hoặc gián tiếp, dù là thể loại nào, thơ ca hay tiểu thuyết, tiểu luận, đoản văn. Là sự gặp gỡ trong cảm thức thời cuộc kín đáo và triết lý nhân sinh đề cao đời sống tự do cá nhân. “Thượng đế do con người xây dựng tạo ra huyền thoại, thế nên con người là trung tâm, là nguồn gốc của thượng đế.” [10]. Đó là một phần tư duy triết mỹ thể hiện trong sự nghiệp sáng tác cực kì phong phú của Gide. Có thể chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do của Gide, thơ văn Bùi Giáng cũng là những “cuộc đương đầu với phái luân lí học truyền thống” khi xây dựng hình tượng Người Nữ - Thánh Nữ trong một phong cách thi ngữ ngất ngưỡng như vậy.

Bùi Giáng dịch tiểu thuyết Andre Gide theo một cách rất khác thường. Dịch giả đưa vào câu chuyện nhiều những đoạn thơ/lời thơ “trữ tình ngoại đề” phảng phất chất cổ điển Đông phương đào sâu vào nội tâm nhân vật. Đó là trường hợp độc đáo hiếm có trong dịch thuật văn chương - vừa là dịch giả vừa đồng tác giả, chông lẩn chuyên ngữ và sáng tác khó phân định. Mặt khác, toàn bộ hệ thống thơ ca - dịch phẩm - tiểu luận - đoản văn của Bùi Giáng là một khối liên văn bản giữa tâm lý văn hóa hiện đại và cả một truyền thống văn học cổ điển tôn vinh Người Nữ Việt với *Đoạn trường tân thanh*, *Chinh phụ ngâm*, *Lục Vân Tiên*... Không tác gia văn chương hiện đại Việt Nam nào sở hữu nhiều đến thế tiểu luận/đoản văn/tạp văn ca tụng các nữ sĩ Việt Nam, từ Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, cho đến Ngân Giang nữ sĩ, Vân Đài nữ sĩ, Nguyễn Thị Hoàng, Trí Hải Ni Cô,... Cứ một niềm mê đắm ấy với Người Nữ, Bùi Giáng mang vào trong *Hòa âm điển dã* và *Khung cửa hẹp* những câu văn thấm đẫm chất thơ của riêng ông, khiến cho bản dịch của ông hầu như đã trở thành sáng tác, chệch ra ngoài khuôn thước dịch phẩm thông thường.

Thánh Nữ Gertrude của Gide hiện lên trong bản dịch Bùi Giáng như là Đức Mẹ - Đức Chúa làm chứng cho cuộc mâu thuẫn giằng xé giữa đạo lý và dục vọng, giữa cao cả và tục lụy của vị mục sư trót sa vào “lưới tình”: “Hỡi ôi! Quả thật là là. Song trùng đao kiếm đây qua đún về. Hờ hang tồn lý ê chề. Lãng lơ chết lịm trận đề huê gieo. Hồn mang thị hiện ngất nghèo. Cung so giây lệch thu vèo sang đông” (*Hòa âm điển dã*) [11]. Đó chính là cái “bản chất của con người vừa vinh vừa nhục, vừa Satan quỷ quyết vừa Thiên thần nơi đất trịch vẫn hoài niệm Thiên Thai [...] hai bản chất tương nghịch mà song sinh” [12; 57] mà Bùi Giáng từng thấu cảm trong giá trị luân lí của *Đoạn trường tân thanh*, trong *giọng nói* của Nguyễn Du. Cái mà Bùi Giáng gọi là “tính chất nhị bội của chân lý” “đr dục vô ngôn” “vô khả vô bất khả” theo tinh thần Thiên học. Bản chất tương nghịch song sinh của con người là sự quan tâm chung của Gide và Bùi Giáng: “Hỡi Thượng Đế, làm sao giúp con đạt đến cùng mà không lên lời báng bổ?”. Đặc biệt, bản chất ấy được Bùi Giáng thể hiện một cách triệt để thông qua lối kết cấu thi ngữ chên vênh giữa hai thái cực - linh diệu và trần tục, trang trọng và tán nhảm - ngay trong những hình ảnh biểu cảm về Thánh Nữ.

Liên hệ cái chết của Gertrude trong *Hòa âm điển dã* với nhiều câu thơ “khóc người dung” Nương Tử Mông Rô trong thơ Bùi Giáng, dịch giả càng cảm nhận đầy đủ rằng, tình yêu với Thánh Nữ chính là động lực khiến Bùi Giáng chọn dịch hai tiểu thuyết của Gide: “Bỏ đi em ghé Hội nào/ Có trắng thương hải mưa trào biển xanh? [...] Bỏ đi em trốn Hội nào/ Có vòng tay hận máu đào rút hoa? [...] Ngại ngừng tay nắm tay buông/ Con người thế ấy ngậm buồn thế kia/ Tầm xuân gỏi lệ tan lia/ Dấu thu hồ mở đầm đĩa bóng vang” (*Bây giờ*). Ngoài các mỹ nhân nước Việt và Trung Hoa, trở đi trở lại trong thơ Bùi Giáng chính là huyền thoại điện ảnh Hoa Kỳ Marilyn Monroe, người sinh cùng năm với Bùi Giáng, đột tử năm 1962 khi vừa 36 tuổi giữa lúc sự nghiệp đang ở đỉnh cao, thời điểm có lẽ đã ra đời chuỗi thơ khóc Dì Ma Llyn Mông Lô của Bùi Giáng.

Thương khóc mình tình mản bạc vốn là “biểu tượng tình dục” “biểu tượng sắc đẹp” “biểu tượng của nền văn hóa đại chúng Hoa Kỳ”, một cuộc đời tài năng, nổi tiếng, nhưng đời tư rắc rối, tuổi thơ không ổn định và cái chết không bình thường – Bùi Giáng đã tìm thấy trong cuộc đời Nàng đầy đủ về Đẹp Thánh Nữ theo “Nguyên lý Nữ” của thi sĩ.

Ở góc độ khác, có thể coi bi kịch Mục sư – Gertrude cũng là bi kịch tình yêu mà Bùi Giáng từng trải nghiệm, với những lời nồng nàn ông trò chuyện cùng bé gái tám tuổi được ghi lại trong chuỗi ba bài thơ (*Bé con quận Bình Thạnh, Cây em, Tất nhiên*):

“Tất nhiên con đã rõ rồi/ Ông từ vô tận da môi tóc sương/ Về từ muôn thuở nghìn phương/ Gặp con có lẽ cũng dường như mơ/ [...] Ông từ đứt ruột bước ra/ Gặp con ông tưởng gặp hoa xuân đầu/ [...] Gặp ông ở giữa dặm đàng/ Con ngồi tí mĩ hời han thật nhiều/ Đầu tiên ông tưởng tiếng tiêu/ Hòa cùng tiếng sáo diêm kiều phách sênh/ Giã từ gò đống chênh vênh/ Phong trần vạn lý ông quên hết rồi/ Tóc sương cộng với da môi/ Chào con như một con người đầu tiên” (*Tất nhiên*). Lại có lúc Bùi Giáng dường như đồng nhất hình tượng Nàng Gertrude với Ni sư Diệu Nhân (tác giả bài kệ *Sinh lão bệnh tử* có hai câu kết “Thiên Phật bất cầu/ Đổ khẩu vô ngôn”) trong bài thơ đề tặng Gertrude: “Dập đầu bá tử cô nương đẹp/ Dám hỏi bao giờ có đẹp hơn/ Miệng ngọc cười xòa lên tiếng đáp/ Rằng xin các hạ hãy vô ngôn” (*Hãy vô ngôn*).

Giống như Andre Gide cảm thương “vị mục sư sa đọa” khi ông ta khẩn cầu Thượng Đế “Hỡi Thượng Đế! Đôi phen con có cảm tưởng rằng con cần có tình yêu của nàng thì con mới có thể yêu thương được Thượng Đế!”; nỗi sầu thời thế trong thơ Bùi Giáng thường kín đáo, nhưng đã thoát lời thì phải là lời cùng Em, “*thưa em*”: “Trên đầu thế kỉ chia hai / Nguồn man mát lạnh tìm ai bây giờ / Thưa em uống rượu bây giờ / Là thiên thu lại còn tro hận trường / Cảm chung đau biển khôn lường / Chân trời mộng lý con đường chia ba” (*Rượu uống*).

Cảm thức Thánh Nữ trong tiểu thuyết Andre Gide có nguồn cội từ đức tin Cơ Đốc giáo, theo tư tưởng Phúc Âm Tân Ước. *Khung cửa hẹp* phóng tác *Thánh Kinh* ngay từ nhan đề tiểu thuyết, đồng thời tư tưởng Tân Ước được diễn giải qua lời mục sư Vautier giảng cho Jerome và Alissa: “Con hãy gắng tiến vào, qua khung cửa hẹp, [...] nhỏ hẹp mới là khung cửa, là con đường dẫn tới Đồi Sống, và rất ít kẻ tìm ra [...] vì chung nhỏ hẹp mới chính là đường dẫn tới Nguồn Sống”. Đó chính là biểu tượng “cửa hẹp” được mô tả trong Phúc Âm (theo) Thánh Mathêu [13; 22]. Trong *Bọn làm bạc giả*, miêu tả tình yêu vô điều kiện của Bernard và Douviers dành cho “Thánh Nữ” Laura, có lẽ Gide cũng thể hiện tư tưởng Phúc Âm (theo) Thánh Gioan – Chúa Giêsu hỏi những người muốn ném đá người phụ nữ phạm tội ngoại tình rằng: “Ai trong anh em sạch tội, hãy lấy đá mà ném trước tiên”; và khi mọi người bỏ đi hết, Chúa bảo người đàn bà: “Ta không lên án chị. Hãy về, và từ nay đừng phạm tội nữa” [13; 233]. Cả ba tiểu thuyết của Gide đều xuất hiện nhân vật mục sư và đều có nhiều dẫn giải Phúc Âm. Đặc biệt, ở *Hòa âm điện dã*, mục sư là nhân vật chính đồng thời là nhân vật “tôi” tự thuật về bi kịch đời mình, những dẫn giải Phúc Âm càng dày đặc hơn, Bùi Giáng dường như rất say sưa với những dẫn giải đó. Hình tượng Thánh Nữ Alissa và Gertrude hẳn nhiên “mô phỏng” hình ảnh Đức Mẹ Maria trong Phúc Âm (Mathêu, Luca, Macco), từ câu chuyện trinh nữ Maria “chịu thai bởi quyền phép Chúa Thánh Thần” [13; 10, 134]; cho đến câu chuyện những bà Maria là những người đầu tiên được đón Chúa Phục Sinh, “được ôm chân Chúa và thờ lạy Chúa” [13; 80, 128, 207]. Trong bản dịch *Hòa âm điện dã*, khi tái hiện cuộc đấu tranh nội tâm của mục sư, Bùi Giáng tỏ ra tâm đắc với những đồng điệu giữa Phúc Âm và triết học Lão – Trang: “Nếu như các người không trở lại giống như trẻ con, thì các người sẽ không sao bước chân vào được non nước Thiên Đường [...]; trạng thái hoan lạc vui tươi, đối với người Ki tô giáo, là một trạng thái phải có, không có không được” [11; 88, 89]; hoặc gặp gỡ giữa Phúc Âm và Phật giáo Thiên tông: “Tôi biết và tôi tin tưởng, qua những lời của Jesus Christ, tôi biết và tôi tin rằng, không có gì tự nơi nó dơ bản cả, và rằng một vật chỉ tồn lưu dơ bản là riêng đối với kẻ nào tưởng nó dơ bản mà thôi” [11; 95], tư tưởng nhất quán với tiểu luận triết học của Gide: “Điều quan trọng nằm tại trong cái nhìn của người, không nằm trong cái vật được nhìn” [14; 131]. Bùi Giáng nhấn mạnh tầm quan trọng của bài *Tựa Dưỡng chất trần gian* lần tái

bản năm 1926, và chính ở bài *Tựa* này, Bùi Giáng đã khẳng định mẫu số chung của tinh thần Đông – Tây:

“Người Tây phương [...] nói chuyện với Tây phương, đặt vấn đề với Tây phương, nhưng đáo cùng, vẫn là nghĩ tới chúng ta ở bên này, mà họ lên tiếng ở bên kia. Nói đúng hơn, họ nghĩ tới một Cõi Quê Chung [...]”

Tôi nghe về vọng sơn xuyên,
Cô Em Mọi Nhỏ tự tiền kiếp qua [...]
Gẫm rằng dù lạ hay xa
Cũng rằng tâm sự một nhà mười phương”

Thật thú vị là, nói tới Cõi Quê Chung trong tâm thức Đông – Tây, Bùi Giáng nhất thiết phải hướng tới “Cô Em Mọi Nhỏ” như một “biểu tượng sơ nguyên” mà cả một đời thơ ông ngưỡng vọng.

Bằng những trang dịch thuật đầy chất thơ, Bùi Giáng đã tái sinh tư tưởng tự do và phong cách “nhật ký nội tâm thành thực” của Gide trong lòng độc giả Việt Nam nhiều thế hệ, như những câu tựa châm ngôn này: “Mong rằng cuốn sách của ta sẽ dạy bạn lưu tâm ý tới mình nhiều hơn tới cuốn sách, và lưu tâm ý tới mọi thứ khác nhiều hơn tới mình” [14; 126]; “Thà bị ghét vì những gì bạn là, còn hơn được yêu vì những gì bạn không có.”^[15]

Điều đẹp đẽ nhất trong sự gặp gỡ giữa Bùi Giáng và Gide phải chăng chính là nỗi khắc khoải tìm về nguồn ánh sáng tỏa rạng từ Thánh Nữ - Mẫu Thân - những người Gái viết hoa đang hiện diện trên trần gian? Với cả hai tác gia, Người Nữ chính là nơi chung đúc tinh hoa Vũ Trụ Càn Khôn, là thiên thân đền mặt đất để thực hiện sứ mệnh yêu thương, hy sinh và cảm hóa nhân loại theo Lê Chân Thiện Nhân.

Như vậy, cảm thức Thánh Nữ trong thơ Bùi Giáng có thể được “gợi ý” từ hình tượng Thánh Nữ trong truyện Andre Gide, đặc biệt là từ thời điểm thi sĩ chuyển ngữ *Khung cửa hẹp* và *Hòa âm điện dã* (trong khoảng 1966 - 1969). Tuy nhiên, độc giả cũng không mấy khó khăn khi cảm nhận được chất giọng riêng – màu sắc riêng mang bản ngã Kì Dị Bùi Giáng khác biệt với Andre Gide. Cái bản ngã Bùi Giáng đó đã được chúng tôi bước đầu phân tích, làm rõ thông qua kết quả khảo sát, phân loại bốn dạng thức “Em” và “Không Em” trong thơ và đoản văn Bùi Giáng. Đó là mật độ dày đặc và mức độ toàn vẹn của “hình tượng Thánh Nữ” trong toàn bộ sự nghiệp thơ Bùi Giáng; là sự đa dạng của các tiểu loại “Thánh Nữ” mà thơ Bùi Giáng tôn vinh, từ nhân vật lịch sử, nhân vật văn học cho đến người thật việc thật, dường như không phân biệt tầng lớp xã hội, tuổi tác; là sự gắn kết mật thiết giữa “hình tượng Thánh Nữ” trong thơ với cả một chuỗi “tình sử” của cuộc đời Bùi Giáng đào hoa “si mê Gái”. Đặc biệt hơn, đó còn là giọng thơ nghịch dị - phồn thực luôn “đỉnh kèm” ân ngữ tính dục, hòa trộn khó tách bạch giữa trang trọng và giễu chơi, tán tụng và “hạ giá”; như một thực hành dung thông độc lạ hai phong cách thơ Nôm nước Việt – Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du.

3. Kết luận

Bùi Giáng là một tác gia độc đáo - kì dị của nền văn học hiện đại Việt Nam: độc đáo bởi sự nghiệp sáng tác của ông phong phú đa dạng về thể loại: thơ ca (lục bát, bát ngôn, thất ngôn, tứ ngôn, tự do, thơ văn xuôi), đoản văn, tạp văn, phê bình giảng luận văn chương, tiểu luận triết học, dịch thuật; “kì dị” bởi cuộc đời phiêu bồng với “thơ điên – ngộ” – những dòng thơ vừa ám ảnh “phồn thực Xuân Hương” vừa phảng phất “lục bát đoạn trường Nguyễn Du” trong một hình hài hiện đại, dị thường. Andre Gide là nhà văn Pháp đoạt giải Nobel văn học năm 1947. Sự tương giao trong cảm hứng nhân văn với cốt lõi tôn vinh Người Nữ đã khiến xích gần lại hai người viết Đông – Tây, một thi sĩ và một tiểu thuyết gia, ra đời cách nhau nửa thế kỉ và sống cách nhau nửa vòng trái đất. Cuộc đời và tư chất tài hoa dị thường, vốn ngoại ngữ cùng tình yêu say đắm dành cho Người Nữ đã xui khiến Bùi Giáng đưa Andre Gide đến với độc giả Việt Nam. Duyên hội ngộ này thực sự quý giá, bởi lẽ, nó là bằng chứng xác thực về tính đại diện cho giá trị phổ quát cũng

như bản sắc cá nhân ở những người viết có tầm vóc lớn. Những trăn trở thẳ sâu về giá trị con người, về ý nghĩa cuộc sống, về con đường thẳng trảm bất định của nhân loại trên dòng thời gian lịch sử. Việc so sánh hai tác giả lớn (với sự nghiệp sáng tác đồ sộ mà chúng tôi chưa thể bao quát đầy đủ) ở hai quốc gia thuộc hai nền văn hóa khác nhau với hai thể loại văn học khác nhau, dù giữa họ có nhiều điểm tương đồng, thì cũng luôn là một thử thách có thể hạn chế sự thuyết phục của những giả thuyết hoặc kết luận. Dù vậy, chúng tôi hy vọng bài viết nhỏ này góp phần khơi gợi những cuộc thảo luận tiếp theo tiến tới cái nhìn ngày càng đầy đủ hơn về nền văn học Việt Nam thế kỉ XX trong bối cảnh *liên văn bản* với văn học thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] LT Hiền, (2021). *Diên và Đẹp trong thơ Bùi Giáng*. <https://nguoidothi.net.vn/dien-va-dep-trong-tho-bui-giang-29930.html>, truy cập ngày 30/7/2021.
- [2] HT Hà, (2012). *Bản mệnh thơ Bùi Giáng*. <https://leminhquoc.vn/the-loai-khac/tac-pham-cua-ban-be/1610-toa-dam-khoa-hoc-ve-thi-si-bui-giang.html?start=3>, 10/2012.
- [3] HN Phương, (2012). *Bùi Giáng: thơ phơi giữa nắng*. <https://leminhquoc.vn/the-loai-khac/tac-pham-cua-ban-be/1610-toa-dam-khoa-hoc-ve-thi-si-bui-giang.html?start=3>, 10/2012.
- [4] ĐĐ Hiểu, (Chủ biên), (2004). *Từ điển văn học - Bộ Mới*. NXB Thế giới, 541.
- [5] B Giáng, (2016). *Đời Ười Chân Kinh – thơ văn tinh tuyển*. NXB Hội Nhà văn & Nhã Nam.
- [6] B Giáng, (2006). *Thơ Bùi Giáng – Mưa nguồn*. NXB Đà Nẵng.
- [7] Chevalier J & Gheerbrant A, (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. NXB Đà Nẵng.
- [8] Gide A, (2008). *Bọn làm bạc giả (Counterfeiters)*. Phùng Văn Tửu dịch - giới thiệu. NXB Văn học, Hà Nội.
- [9] Gide Andre, (2005). *Khung cửa hẹp (La Porte Estroite)*, Bùi Giáng dịch, dang.vnthuquan.net.
- [10] Nguyễn Nhã Tiên, (2013). *Đứa con của trần gian*. <https://nhanambook.wordpress.com/2013/02/19/dua-con-cua-tran-gian/>
- [11] Gide A, (2007). *Hòa âm thiên dã (La Symphonie Pastorale)*. Bùi Giáng dịch. Tái bản ấn bản Võ Táth 1969. NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] B Giáng, (2020). *Tuyển tập luận đề - Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Bà Huyện Thanh Quan. Tái bản các ấn bản Quế Sơn – Võ Táth 1969 và Tân Việt 1957*. NXB Đà Nẵng & Phanbook.
- [13] Trịnh Văn Căn Hồng Y G.M., (1989). *Kinh Thánh Tân Ước*. Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, Nhà máy in Tiến Bộ, Hà Nội.
- [14] Camus A, Andre G & Martin H, (2007). *Sương tỳ hải*, Bùi Giáng dịch. Tái bản ấn bản An Tiêm 1972. NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] <https://www.fondation-catherine-gide.org/la-bibliotheque-d-andre-gide>